

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/DS-PT
Ngày: 30/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hương
Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Vũ L, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Danh Văn T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Bà Thái Thị Th, sinh năm 1967 (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Thái Thị Th, sinh năm 1967 (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018) (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Anh Huỳnh Ngọc Nh, sinh năm 1991 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018) (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Tiến V - Văn phòng Luật sư Tiến V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ1, sinh năm 1972 (Có mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, Kiên Giang.
- *Người kháng cáo:* Ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Trương Vũ L trình bày:* Ngày 09/11/2016 qua sự giới thiệu của anh Nguyễn Văn Q, anh Danh S, anh Nguyễn Thành L, nên anh mua thửa đất của ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th, trước khi mua thì anh đến gặp trực tiếp, trao đổi thỏa thuận giá cả với vợ chồng ông T, bà Th và vợ chồng ông T, bà Th đã đồng ý bán cho anh thửa đất số 619, tờ bản đồ số 22, diện tích trên giấy chứng nhận $10.936m^2$, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang với giá là 110.000.000đồng/ $1000m^2$. Sau khi ký kết hợp đồng thỏa thuận giao tiền 02 đợt, anh đã trả trước đợt 01 cho ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình đo đạc có sự chứng kiến của ông T và bà con ranh đất. Tới ngày 29/12/2016 đã có bản vẽ và các hộ giáp ranh cùng chứng kiến, chờ ngày ra công chứng sang tên. Nhưng sau khi đo đạc xong và có bản vẽ ngày 29/12/2016, ông T và bà Th không chịu bán đất nữa, muốn hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, nên không chịu công chứng sang tên diện tích đất đã chuyển nhượng cho anh theo quy định.

Nên anh yêu cầu : Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết giữa anh và vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th đối với diện tích đất tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, diện tích trên giấy chứng nhận $10.936m^2$, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Buộc vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th giao diện tích đất $10.936m^2$, tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, tọa lạc ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho anh theo hợp đồng chuyển nhượng. Anh sẽ trả tiếp số tiền còn lại theo hợp đồng cho vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th.

Trường hợp ông T và bà Th không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng thì yêu cầu Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết giữa anh và vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th đối với diện tích đất tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, diện tích trên giấy chứng nhận $10.936m^2$, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Buộc vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th phải trả lại cho anh 200.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 6.014.800.000 đồng (sáu tỷ, không trăm, mười bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký giữa anh và ông T, bà Th.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết giữa anh và vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th đối với diện tích đất tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, diện tích trên giấy chứng nhận $10.936m^2$, (theo đo đạc thực tế là $10.699,1m^2$) tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Buộc vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th phải trả lại cho anh 200.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền chênh lệch giá là [2.693.229.000 đồng (theo định giá) - 1.176.901.000 đồng] = 1.516.328.000 đồng.

** Bị đơn bà Thái Thị Th và là người đại diện theo ủy quyền của ông Danh Văn T trình bày:* Lúc trước vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th có ký hợp đồng với anh Trương Vũ L vào ngày 09/11/2016 với diện tích đất tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, diện tích trên giấy chứng nhận 10.936m², (theo đo đạc thực tế là 10.699,1m²) tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Lúc đầu ký hợp đồng bán đất cho anh L do ông bà không biết chữ khi bán có đề nghị khi có con trai ông bà về xem nếu con trai ông bà đồng ý bán thì ông bà mới bán, nhưng anh L nói để ký sau cũng được, qua 03 ngày sau bên phía anh L kêu đưa bằng khoán gốc. Ông bà không đồng ý tại vì lúc đầu nói đưa tờ bản đồ mới đưa bằng khoán gốc, ông bà thấy nói tới nói lui ông bà mới gọi điện thoại hỏi con ông bà về con ông bà không đồng ý việc mua bán đất. Nên ông bà gọi cho anh L đến để trả tiền lại nhưng anh L không bắt máy không đồng ý. Nay anh L yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng trên thì ông bà có ý kiến như sau: Ông bà cũng đồng ý bán đất cho anh Trương Vũ L với diện tích đất tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, diện tích trên giấy chứng nhận 10.936m², tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang được thể hiện trong hợp đồng ngày ngày 09/11/2016 giữa vợ chồng ông bà và anh Trương Vũ L. Nhưng con trai ông bà không đồng ý bán đất cho anh Trương Vũ L nên ông bà không đồng ý bán nữa. Ông bà cũng đã nhận trước của anh Trương Vũ L số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Thái Thị Th có ý kiến: Không đồng ý tiếp tục hiện hợp đồng chuyển nhượng ngày 09/11/2016 với diện tích đất tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, diện tích trên giấy chứng nhận 10.936m², (theo đo đạc thực tế là 10.699,1m²) tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang giữa vợ chồng bà với anh Trương Vũ L. Ông bà đồng ý trả lại số tiền 200.000.000 đồng mà ông bà đã nhận của anh Trương Vũ L. Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng ông bà chỉ đồng ý bồi thường theo mức lãi suất ngân hàng của số tiền 200.000.000 đồng từ thời điểm mà ông bà đã nhận tiền cho đến nay.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày:* Phần đất ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trương Vũ L thì hiện nay ông đang canh tác trên diện tích đất này được khoảng 03 năm, lúc cổ diện tích trên giấy chứng nhận 10.936m², (đo đạc thực tế 10.699,1 m²) thửa số 619, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Với giá là 170.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn là 01 năm chuộc lại đất, nếu ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th không có tiền chuộc lại đất thì ông tiếp tục canh tác phần này.

Tại phiên tòa sơ thẩm NLQ1 có ý kiến: Nếu ông T và bà Th đã chuyển nhượng đất cho anh L thì ông cũng đồng ý trả lại phần đất của ông T và bà Th để cho ông T và bà Th chuyển nhượng cho anh L. Ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn anh Trương Vũ L và bị đơn vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 09/11/2016 giữa nguyên đơn anh Trương Vũ L và bị đơn vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th. ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th đồng ý trả lại số tiền 200.000.000 đồng đã nhận cho anh Trương Vũ L.

- Đối với phần đất diện tích 10.936m² (đo đạc thực tế 10.699,1 m²) tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th. Phần đất này ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th chưa giao cho anh L và hiện nay ông T và bà Th đang cố cho NLQ1. Ông T, bà Th và NLQ1 không có yêu cầu gì đối với phần đất này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Vũ L buộc ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th có trách nhiệm bồi thường cho anh Trương Vũ L số tiền 1.516.328.000 đồng (một tỷ, năm trăm, mười sáu triệu, ba trăm, hai mươi tám nghìn đồng) do vi phạm hợp đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* *Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 20/01/2018 ông T và bà Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/11/2016 vô hiệu; Yêu cầu không chấp nhận phần án phí, chi phí tố tụng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

P phía bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/11/2016 vô hiệu; Yêu cầu không chấp nhận phần án phí, chi phí tố tụng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử. Sau khi xét hỏi và tranh luận, Luật sư Vinh tranh luận cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các bên đương sự hòa giải, qua động viên hòa giải của Hội đồng xét xử, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/11/2016, về phía bị đơn ông Danh Văn T, bà Thái Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho anh L số tiền tổng cộng 1.000.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên việc tính bồi thường thiệt hại của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng, phía bị đơn ông Danh Văn T có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt và có ủy quyền cho bà Th tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng ông T, bà Th về việc không đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh L và không chấp nhận phần án phí, chi phí tố tụng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử, Hội đồng xét xử xét Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên lập ngày 04/5/2016 và giải quyết hậu quả hợp đồng bị hủy do vô hiệu là đúng quy định tại điểm c, c.2 tiêu mục 2.3 mục 2 Phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, việc tính giá trị thiệt hại để buộc bên có lỗi bồi thường thiệt hại của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng quy định tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì phía anh L chưa giao đủ số tiền chuyển nhượng, mà mới đưa trước số tiền 200.000.000 đồng cho vợ chồng bà Th, nên số tiền để tính thiệt hại chỉ phải tính giá trị chênh lệch của số tiền 200.000.000 đồng theo giá lúc chuyển nhượng với giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm tính thiệt hại bằng việc lấy giá trị toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất theo thẩm định giá tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 2.693.229.000 đồng trừ đi giá trị toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất tại thời điểm chuyển nhượng là 1.176.901.000 đồng bằng 1.516.328.000 đồng là không đúng pháp luật, từ đó, phía anh L đồng ý nên không kháng cáo, nếu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh L và mất đi quyền kháng cáo của anh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay qua hòa giải, các bên đương sự đều tự nguyện thỏa thuận thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/11/2016, về phía bị đơn ông Danh Văn T, bà Thái Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả 200.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh L số tiền 800.000.000 đồng, tổng cộng bằng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy việc thỏa thuận giữa các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thống nhất chấp nhận đề nghị của vị Luật sư và vị đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Danh Văn T, bà Thái Thị Th, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[3] Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: Phía vợ chồng ông Danh Văn T, bà Thái Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm giá ngạch của số tiền 1.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

$$36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 200.000.000 \text{ đồng}) = 42.000.000 \text{ đồng}$$

Án phí dân sự phúc thẩm, ông T và bà Th không phải chịu do Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Danh Văn T, bà Thái Thị Th, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Danh Văn T, bà Thái Thị Th.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 124, Điều 134, Điều 137, Điều 697, Điều 699 Bộ luật dân sự 2005; Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Vũ L.

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn anh Trương Vũ L và bị đơn vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 09/11/2016 giữa nguyên đơn anh Trương Vũ L và bị đơn vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th.

2. Đối với phần đất diện tích 10.936m² (đo đạc thực tế 10.699,1 m²) tại thửa số 619, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th. Phần đất này ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th chưa giao cho anh L và hiện nay ông T và bà Th đang cố cho NLQ1. Ông T, bà Th và NLQ1 không có yêu cầu gì đối với phần đất này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn anh Trương Vũ L với bị đơn vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th về việc vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 200.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 800.000.000 đồng, tổng cộng bằng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cho anh Trương Vũ L. Trường hợp vợ chồng ông T, bà Th không tự nguyện

thì anh L có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án cưỡng chế theo quy định của pháp luật thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Chi phí thẩm định tại chỗ đo đạc bản vẽ số tiền 1.225.000 đồng và thẩm định giá số tiền 12.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 13.225.000 đồng. Buộc phía bị đơn vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th phải chịu toàn bộ. Do phía nguyên đơn anh L đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng chi phí, nên buộc phía vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn Trương Vũ L số tiền 13.225.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn vợ chồng ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th phải chịu nộp án phí giá ngạch 5% của số tiền có nghĩa vụ hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho anh L tổng cộng 1.000.000.000 đồng, thành tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Hoàn trả cho anh L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 28.504.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009906 ngày 01/9/2017 và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002664 ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Phía ông Danh Văn T và bà Thái Thị Th không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông T và bà Th mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông T và bà Th nộp theo các biên lai thu tiền số 0000919, 0000920 cùng ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn